

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **371/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 13/12/2021
V/v: “*Ly hôn giữa chị L và anh B*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Tấn Hiệu;
2. Ông Nguyễn Văn Vẹn.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên toà:
Ông Dương Văn Nguyễn – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2021/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 về “*Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2021/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị L, sinh năm 1981; Địa chỉ: 79/4 đường 12, khu phố X, phường L, quận Y, TP.Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Chị L, anh B vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 5 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh B cưới nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hạnh phúc, anh B không lo cho cuộc sống vợ chồng, không quan tâm chia sẻ cùng nhau, tình cảm lạnh nhạt. Chị và anh B đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị thấy vợ chồng không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thùy Dung, sinh ngày 23/01/2010. Hiện cháu Dung đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

- Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh B biết để tham gia phiên tòa theo quy định nhưng anh B vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản phản hồi về việc chị L khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu quan điểm

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Chị L có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh B. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị L có đơn xin vắng mặt, bị đơn là anh B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Chị L và anh B cưới nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận Y, TP. Hồ Chí Minh vào năm 2010 là phù hợp với Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L khai là do vợ chồng sống không hạnh phúc, anh B không lo cho cuộc sống vợ chồng, không quan tâm chia sẻ cùng nhau, tình cảm lạnh nhạt và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

[4] Xét thấy anh B đã được Tòa án triệu tập đến để hòa giải đoàn tụ nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do, cho thấy phía anh B không có thiện chí nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng, thời gian sống ly thân giữa chị L và anh B đã kéo dài mà không giải quyết được mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy đời sống hôn nhân giữa chị L và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị L ly hôn với anh B là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị L và anh B có một con chung tên Nguyễn Thùy Dung, sinh ngày 23/01/2010. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, do hiện cháu Dung đang sống trực tiếp với chị L và cháu có nguyện vọng được sống trực tiếp với mẹ nên để tránh xáo trộn trong cuộc sống của các cháu ảnh hưởng đến việc học tập, sinh hoạt, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu, do đó Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Dung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì lợi ích của con, chị L có quyền yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị L và anh B.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thùy Dung, sinh ngày 23/01/2010 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 4917 ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
 - VKSND tỉnh;
 - VKSND huyện;
 - Các đương sự;
 - Chi Cục THADS;
 - UBND phường Cát Lái, quận
- 2, Tp. Hồ Chí Minh
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Vĩnh Lộc